



Đơn ghi danh tại một trường Công lập NSW

Cám ơn quý vị đã chọn ghi danh tại một trường Công lập NSW.

Cần điền đơn này bằng tiếng Anh. Nếu quý vị cần được giải thích về bất cứ câu hỏi nào trong đơn này hoặc cần được giúp đỡ trong việc điền đơn, hãy nhờ nhân viên trường trợ giúp. Quý vị có thể cung cấp thêm thông tin vào một trang giấy đính kèm đơn này.

Trước khi bắt đầu điền đơn này, xin quý vị tham khảo trang 15 và 16 trong đơn để biết chi tiết về việc điền đơn và các giấy tờ mà quý vị cần cung cấp cho trường. Ở trang 13 có giải thích về mục đích và việc sử dụng thông tin mà quý vị cung cấp.

Trường sẽ thông báo đến quý vị về kết quả của việc nộp đơn. Nếu đơn được chấp nhận, thông tin mà quý vị cung cấp sẽ được trường sử dụng để ghi danh cho học sinh. Xin đừng sửa chữa các thứ chẳng hạn như đồng phục cho tới khi quý vị nhận được thư xác nhận ghi danh.

Chi tiết của học sinh (Student details)

A. Chi tiết của học sinh (A. Student details)

Họ
Family name

Tên
First given name

Tên đệm
Second given name

Tên chính thường gọi
Preferred first name

Phái tính
Gender Nam Male Nữ Female

Ngày sinh
Date of birth / /
ngày tháng năm

Quý vị muốn ghi danh cho học sinh này vào lớp (year) nào (chỉ đánh dấu vào một ô)
Into which year are you seeking to enrol this student (mark only one box)

K 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

Ngày dự định bắt đầu
Intended start date / /
ngày tháng năm

CHỈ DÀNH CHO VĂN PHÒNG (OFFICE USE ONLY)

School name

Student registration number Date of enrolment at this school / /
day month year

Roll Class (eg 3 SMITH, 9R2)

Current scholastic year in which the student is enrolled (K-12) House group

Out of home care Yes No Name of statutory care provider

Chi tiết của học sinh (Student details)

ANH CHỊ EM CỦA HỌC SINH (STUDENT'S BROTHERS AND SISTERS)

Học sinh này có anh/chị/em nào hiện ghi danh hoặc trước đây đã ghi danh tại một trường công lập NSW?
Brothers or sisters currently or previously enrolled at a NSW Government school

Có
Yes

Không
No

Nếu có, tên của trường mới đây nhất?
If yes, name of most recent school?

Nếu có, nêu chi tiết của anh/chị/em đã ghi danh gần đây nhất.
Details of most recently enrolled brother or sister

Phái tính
Gender

Nam
Male

Nữ
Female

Ngày sinh
Date of birth

//
ngày tháng năm

Họ của anh/chị/em
Brother's/sister's family name

Tên của anh/chị/em
Brother's/sister's given name

GỐC THỔ DÂN (ABORIGINALITY)

Học sinh có nguồn gốc Thổ dân hoặc Dân đảo Torres Strait hay không?
Aboriginal or Torres Strait Islander origin

Không
No

Thổ dân
Aboriginal

Dân đảo Torres Strait
Torres Strait Islander

Cả gốc Thổ dân và dân đảo Torres Strait
Both Aboriginal and Torres Strait Islander

NGÔN NGỮ NÓI TẠI NHÀ NGOÀI TIẾNG ANH (LANGUAGES OTHER THAN ENGLISH SPOKEN AT HOME)

Học sinh có nói ngôn ngữ nào khác tại nhà ngoài tiếng Anh? (Does the student speak a language other than English at home?)

Không, chỉ nói tiếng Anh
No, English only

Có
Yes

Nếu có, (các) ngôn ngữ nào mà học sinh nói tại nhà ngoài tiếng Anh?

Xin vui lòng viết ra ngôn ngữ thực sự sử dụng, ví dụ Swahili (không phải African), Punjabi (không phải Indian), Auslan, Aboriginal English, Torres Strait Creole.

Ngôn ngữ chính mà học sinh nói tại nhà, ngoài tiếng Anh (Main language other than English spoken at home)

(Các) ngôn ngữ khác nói tại nhà
Other language(s) spoken at home

SỐ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG CỦA HỌC SINH (STUDENT'S MOBILE PHONE)

Số điện thoại di động của học sinh (nếu có)

Student's mobile phone number (if applicable)

Chi tiết của học sinh (Student details)

QUỐC GIA NƠI SINH (COUNTRY OF BIRTH)

Học sinh trong đơn xin ghi danh này đã được sinh ra tại nước nào?
What is the country of birth of the student seeking to be enrolled?

TÌNH TRẠNG CƯ TRÚ CỦA HỌC SINH (STUDENT'S RESIDENCY STATUS)

Tình trạng cư trú của học sinh như thế nào?
What is the student's residency status?

Công dân Úc
Australian citizen

Công dân Tân Tây Lan
New Zealand citizen

Dân đảo Norfolk
Norfolk Islander

Cư dân thường trú
Permanent resident

Có thị thực tạm trú
Temporary visa holder

Có giấy quyết định về nơi cư trú
Residence determination

Một học sinh được sinh ra tại Úc chỉ tự động trở thành công dân Úc nếu có cha hoặc mẹ đã là công dân hoặc cư dân thường trú tại Úc vào lúc em đó chào đời. Để xác định tình trạng cư trú của học sinh, hãy tham khảo chính sách Bằng chứng Nhận dạng và Tình trạng Cư trú trên trang mạng của Bộ. Nếu học sinh là người có thị thực tạm trú, hãy liên lạc Chương trình Cư dân Tạm trú (Temporary Residents Program) số điện thoại 1300 300 229. Nếu học sinh đang nộp đơn xin hoặc đã có thị thực hạng phụ (visa subclass) 571, hãy liên lạc Chương trình Du học sinh ở số điện thoại 1300 300 229.

Nếu sinh quán ở nước ngoài, học sinh này đến Úc vào ngày nào?
If born overseas, on what date did the student arrive in Australia?

<input type="text"/>	/	<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>	
ngày			tháng			năm			

Đối với học sinh là công dân sinh quán ở Úc, nếu em đã sống tại nước ngoài trong hai năm hoặc hơn, thì em đã trở lại Úc vào ngày nào?

Date of return to Australia for Australian born citizens living overseas for two or more years

<input type="text"/>	/	<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>	
ngày			tháng			năm			

Nếu học sinh có thị thực thường trú hoặc tạm trú, xin cung cấp các thông tin sau
If the student is a permanent or temporary visa holder please provide the following information

Thị thực hạng-phụ hiện thời
Current visa sub-class

Ngày hết hạn của thị thực
Visa expiry date

<input type="text"/>	/	<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>	
ngày			tháng			năm			

Nếu đây không phải là lần đầu ghi danh tại một trường Úc, thì học sinh đã ghi danh lần đầu ở một trường Úc vào ngày nào?

If this is not the student's first enrolment at an Australian school, what was the student's first date of enrolment at an Australian school?

<input type="text"/>	/	<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>	
ngày			tháng			năm			

CÁC TRƯỜNG ĐÃ HỌC (PREVIOUS SCHOOLS)

Xin nêu chi tiết tất cả các trường nào mà học sinh đã ghi danh trước đây (NSW, tiểu bang khác hoặc nước ngoài), bắt đầu bằng trường nào mới đây nhất.

Tên của ngôi trường đã học lần cuối?
Name of school last attended?

Trường mà học sinh đã theo học lần cuối là ở đâu
(vùng/thị trấn/tiểu bang/quốc gia)

Location of school last attended

Ngày đã theo học (ví dụ: kể từ 05/2009 đến 06/2011)
Dates of attendance

<input type="text"/>	/	<input type="text"/>		<input type="text"/>		to	<input type="text"/>	/	<input type="text"/>		<input type="text"/>	
tháng			năm				tháng			năm		

Tên của các trường đã học và địa điểm của các trường này (Names of other schools and their locations)

Nếu cần thêm khoảng trống, hãy kèm thêm một trang và ghi ở đầu trang: 'Previous Schools.'

HỌC SINH MẪU GIÁO (KINDERGARTEN STUDENTS)

Trong năm trước niên học, học sinh có từng thường xuyên đến một nơi chăm sóc ngoài nhà cha mẹ và/hoặc dự các chương trình học tập khác?
Non-parental care in the year before school

Có
Yes

Không
No

Nếu có, xin đánh dấu vào ô nào thích ứng dưới đây và cho biết đó là bán thời (ít hơn 15 giờ mỗi tuần) hoặc toàn thời (15 giờ hoặc hơn mỗi tuần).

Vườn trẻ (Preschool)

Bán thời (Part time)

Toàn thời (Full time)

Khu bưu chính (Postcode)

Chăm sóc trọn ngày (với một chương trình vườn trẻ)
Long Day Care (with a preschool program)

Bán thời (Part time)

Toàn thời (Full time)

Khu bưu chính (Postcode)

Chăm sóc trọn ngày (không có chương trình vườn trẻ)
Long Day Care (without a preschool program)

Bán thời (Part time)

Toàn thời (Full time)

Khu bưu chính (Postcode)

Chăm sóc ban ngày tại gia (Family day care)

Bán thời (Part time)

Toàn thời (Full time)

Ông bà nội/ngoại chăm sóc (Grandparent)

Bán thời (Part time)

Toàn thời (Full time)

Các loại chăm sóc chính thức hoặc không chính thức khác
Other formal or informal care

Bán thời (Part time)

Toàn thời (Full time)

(ví dụ: nơi chăm sóc tình nguyện, nhóm vui chơi, những người thân, bạn bè, hàng xóm, cô giữ trẻ)

Vườn trẻ (preschools) thường hoạt động vào những học kỳ và ngày học của trường, và cung ứng việc học tập sớm và có cấu trúc cho trẻ em vào khoảng một hoặc hai năm trước tuổi đi học. Các dịch vụ giữ trẻ trọn ngày (long day care services) chăm sóc trọn ngày cho hầu hết các ngày trong năm đối với trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Họ cũng có thể có các chương trình vườn trẻ dành riêng cho trẻ em vào khoảng một hoặc hai năm trước tuổi đi học.

Tên của vườn trẻ/dịch vụ chăm sóc trọn ngày
Name of preschool/long day care service

Chi tiết gia đình (Family details)

B. Cha mẹ/Người chăm sóc 1 mà thường sống chung với học sinh này B. Parent/Carer 1 with whom this student normally lives

Nếu thích ứng, phải cung cấp bản sao các án lệnh của tòa án gia đình hoặc tòa án liên hệ nếu có.

Danh hiệu (ví dụ Mr/Ms/Mrs/Dr)
Title (eg Mr/Ms/Mrs/Dr)

Phái tính
Gender

Nam
Male

Nữ
Female

Liên hệ đối với học sinh (ví dụ cha/mẹ/người chăm sóc)
Relationship to student (eg mother/father/carers)

Họ
Family name

Tên
Given name

Quốc gia nơi sinh
Country of birth

Nguồn gốc Thổ dân
Aboriginality

Không
No

Thổ dân
Aboriginal

Dân đảo Torres Strait
Torres Strait Islander

Cả Thổ dân và Dân đảo Torres Strait
Both Aboriginal and Torres Strait Islander

NHÓM NGHỀ NGHIỆP (OCCUPATION GROUP)

Xin chọn một nhóm điển tả rõ nhất nghề nghiệp của quý vị

Chỉ đánh dấu vào một ô. Nếu quý vị đã về hưu hoặc ngưng làm việc trong 12 tháng vừa qua, hãy chọn nhóm công việc nào mà quý vị đã từng làm việc. Xem trang 16 để biết thêm thông tin và các ví dụ.

- Nhóm 8
Group 8 Chưa từng làm việc có lương trong 12 tháng qua
Have not been in paid work in the last 12 months
- Nhóm 4
Group 4 Những người điều khiển máy móc, nhân viên ngành tiếp đãi, người phụ tá, người lao động và những công nhân liên hệ
Machine operators, hospitality staff, assistants, labourers and related workers
- Nhóm 3
Group 3 thợ ngành nghề, thư ký và nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên bán hàng và phục vụ
Tradesmen/women, clerks and skilled office, sales and service staff
- Nhóm 2
Group 2 Các quản lý kinh doanh khác, những người trong ngành nghệ thuật/truyền thông/thể thao và các chuyên viên trợ lý
Other business managers, arts/media/sportspersons and associate professionals
- Nhóm 1
Group 1 Quản lý cao cấp trong doanh nghiệp lớn, quản trị cơ quan chính phủ và quốc phòng, và các chuyên gia có bằng cấp
Senior management in large business organisation, government administration and defence, and qualified professionals

Nghề nghiệp
Occupation

HỌC VẤN Ở TRƯỜNG (SCHOOL EDUCATION)

Trình độ cao nhất mà quý vị đã hoàn tất ở trường là lớp nào?

Đối với những người chưa từng đi học, hãy đánh dấu 'Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn' (chỉ đánh dấu vào một ô).

Lớp 12 hoặc tương đương
Year 12 or equivalent

Lớp 11 hoặc tương đương
Year 11 or equivalent

Lớp 10 hoặc tương đương
Year 10 or equivalent

Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn
Year 9 or equivalent or below

BẰNG CẤP HỌC TẬP (EDUCATIONAL QUALIFICATIONS)

Bằng cấp cao nhất mà quý vị đã đạt được?

Không có bằng cấp cao đẳng/đại học
No non-school qualification

Chứng chỉ I to IV (kể cả chứng chỉ ngành nghề)
Certificate I to IV (including trade certificate)

Cao đẳng/cao đẳng cấp cao
Advanced diploma/diploma

Bằng cử nhân hoặc cao hơn
Bachelor degree or above

NGÔN NGỮ NÀO KHÁC NGOÀI TIẾNG ANH NÓI Ở NHÀ (LANGUAGES OTHER THAN ENGLISH SPOKEN AT HOME)

Cha mẹ/người chăm sóc học sinh này có nói ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh ở nhà? (Does this parent/carers speak a language other than English at home?)

Không, chỉ nói tiếng Anh
No, English only

Có
Yes

Nếu có, (các) ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh nói ở nhà?

Xin viết ra (các) tên thật của ngôn ngữ sử dụng, ví dụ, Swahili (không phải African), Punjabi (không phải Indian), Auslan, Aboriginal English, Torres Strait Creole.

Ngôn ngữ chính ngoài tiếng Anh mà cha mẹ/người chăm sóc 1 nói tại nhà (Main language other than English spoken at home)

(Các) ngôn ngữ khác nói tại nhà
Other language(s) spoken at home

Có thể có thông dịch viên trong các cuộc phỏng vấn tại trường. Quý vị có cần thông dịch viên không?
Interpreter required

Có
Yes

Không
No

Chi tiết gia đình (Family details)

Cha mẹ/Người chăm sóc 2 mà thường sống chung với học sinh này Parent/Carer 2 with whom this student normally lives

Nếu thích ứng, phải cung cấp bản sao các án lệnh của tòa án gia đình hoặc tòa án liên hệ nếu có.

Danh hiệu (ví dụ Mr/Ms/Mrs/Dr)
Title (eg Mr/Ms/Mrs/Dr)

Phái tính
Gender

Nam
Male

Nữ
Female

Liên hệ đối với học sinh (ví dụ cha/mẹ/người chăm sóc)
Relationship to student (eg mother/father/carers)

Họ
Family name

Tên
Given name

Quốc gia nơi sinh
Country of birth

Nguồn gốc Thổ dân
Aboriginality

Không
No

Thổ dân
Aboriginal

Dân đảo Torres Strait
Torres Strait Islander

Cả Thổ dân và Dân đảo Torres Strait
Both Aboriginal and Torres Strait Islander

NHÓM NGHỀ NGHIỆP (OCCUPATION GROUP)

Xin chọn một nhóm điển tả rõ nhất nghề nghiệp của quý vị

Chỉ đánh dấu vào một ô. Nếu quý vị đã về hưu hoặc ngưng làm việc trong 12 tháng vừa qua, hãy chọn nhóm công việc nào mà quý vị đã từng làm việc. Xem trang 16 để biết thêm thông tin và các ví dụ.

- Nhóm 8
Group 8 Chưa từng làm việc có lương trong 12 tháng qua
Have not been in paid work in the last 12 months
- Nhóm 4
Group 4 Những người điều khiển máy móc, nhân viên ngành tiếp đãi, người phụ tá, người lao động và những công nhân liên hệ
Machine operators, hospitality staff, assistants, labourers and related workers
- Nhóm 3
Group 3 thợ ngành nghề, thư ký và nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên bán hàng và phục vụ
Tradesmen/women, clerks and skilled office, sales and service staff
- Nhóm 2
Group 2 Các quản lý kinh doanh khác, những người trong ngành nghệ thuật/truyền thông/thể thao và các chuyên viên trợ lý
Other business managers, arts/media/sportspersons and associate professionals
- Nhóm 1
Group 1 Quản lý cao cấp trong doanh nghiệp lớn, quản trị cơ quan chính phủ và quốc phòng, và các chuyên gia có bằng cấp
Senior management in large business organisation, government administration and defence, and qualified professionals

Nghề nghiệp
Occupation

HỌC VẤN Ở TRƯỜNG (SCHOOL EDUCATION)

Trình độ cao nhất mà quý vị đã hoàn tất ở trường là lớp nào?

Đối với những người chưa từng đi học, hãy đánh dấu 'Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn' (chỉ đánh dấu vào một ô).

- Lớp 12 hoặc tương đương
Year 12 or equivalent
- Lớp 11 hoặc tương đương
Year 11 or equivalent
- Lớp 10 hoặc tương đương
Year 10 or equivalent
- Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn
Year 9 or equivalent or below

BẰNG CẤP HỌC TẬP (EDUCATIONAL QUALIFICATIONS)

Bằng cấp cao nhất mà quý vị đã đạt được?

- Không có bằng cấp cao đẳng/đại học
No non-school qualification
- Chứng chỉ I to IV (kể cả chứng chỉ ngành nghề)
Certificate I to IV (including trade certificate)
- Cao đẳng/cao đẳng cấp cao
Advanced diploma/diploma
- Bằng cử nhân hoặc cao hơn
Bachelor degree or above

NGÔN NGỮ NÀO KHÁC NGOÀI TIẾNG ANH NÓI Ở NHÀ (LANGUAGES OTHER THAN ENGLISH SPOKEN AT HOME)

Cha mẹ/người chăm sóc học sinh này có nói ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh ở nhà? (Does this parent/carers speak a language other than English at home?)

- Không, chỉ nói tiếng Anh
No, English only
- Có
Yes

Nếu có, (các) ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh nói ở nhà?

Xin viết ra (các) tên thật của ngôn ngữ sử dụng, ví dụ, Swahili (không phải African), Punjabi (không phải Indian), Auslan, Aboriginal English, Torres Strait Creole.

Ngôn ngữ chính ngoài tiếng Anh mà cha mẹ/người chăm sóc 2 nói tại nhà (Main language other than English spoken at home)

(Các) ngôn ngữ khác nói tại nhà
Other language(s) spoken at home

Có thể có thông dịch viên trong các cuộc phỏng vấn tại trường. Quý vị có cần thông dịch viên không?
Interpreter required

Có
Yes

Không
No

Chi tiết gia đình (Family details)

C. Cha mẹ/người chăm sóc thường sống chung với học sinh

C. Parents/carers with whom this student normally lives

Tên dùng trong tất cả liên lạc thư tín (ví dụ Mr and Mrs A Black, Ms B Green) (Name to be used for all correspondence)

Địa chỉ thường trú (ví dụ 1 High Street, Sydney, NSW, 2000) (Residential address)

Đây có phải là địa chỉ thường trú của học sinh đang ghi danh?
Is this the residential address of the student to be enrolled?

 Có
Yes Không
No

Địa chỉ thư tín (Correspondence address)

Nếu quý vị có địa chỉ thư tín khác với địa chỉ thường trú, xin viết ra dưới đây (ví dụ: PO Box 51, Sydney, NSW, 2001).

Nếu trường cần liên lạc cha/mẹ/người chăm sóc, xin nêu cụ thể, theo thứ tự tùy quý vị chọn, ai là người để trường liên lạc

Nếu có giờ giấc hoặc điều kiện đặc biệt nào liên quan tới các số liên lạc nào, xin nêu ra trong ô ghi chú kế bên số điện thoại đó (ví dụ: chỉ gọi ngày Thứ Hai và Thứ Ba mà thôi)

TÊN CỦA CHA/MẸ/NGƯỜI CHĂM SÓC ĐỂ LIÊN LẠC TRƯỚC TIÊN (NAME OF PARENT/CARER TO CONTACT FIRST)

Số điện thoại (di động)
Phone number (mobile)

Số điện thoại (nhà)
Phone number (home)

Số điện thoại (sở làm)
Phone number (work)

Ghi chú (Comments)

Địa chỉ liên lạc email (Contact email address)

TÊN CỦA CHA/MẸ/NGƯỜI CHĂM SÓC ĐỂ LIÊN LẠC THỨ NHÌ (NAME OF PARENT/CARER TO CONTACT SECOND)

Số điện thoại (di động)
Phone number (mobile)

Số điện thoại (nhà)
Phone number (home)

Số điện thoại (sở làm)
Phone number (work)

Ghi chú (Comments)

Địa chỉ liên lạc email (Contact email address)

Chi tiết gia đình (Family details)

D. Cha mẹ/người chăm sóc mà không ở cùng với học sinh này

D. Parents/carers not living with this student

Chỉ điền nếu thích ứng. Phải cung cấp bản sao án lệnh của tòa án gia đình hoặc tòa án liên hệ nếu có. Xin vui lòng in ra và kèm thêm các trang nếu cần ghi tên các cha mẹ/người chăm sóc không sống chung với học sinh này.

Danh hiệu (ví dụ Mr/Ms/Mrs/Dr)
Title (eg Mr/Ms/Mrs/Dr)

Phái tính
Gender

Nam
Male

Nữ
Female

Liên hệ đối với học sinh (ví dụ cha/mẹ/người chăm sóc)
Relationship to student (eg mother/father/carer)

Họ
Family name

Tên
Given name

Nguồn gốc Thổ dân
Aboriginality

Không
No

Thổ dân
Aboriginal

Dân đảo Torres Strait
Torres Strait Islander

Cả Thổ dân và Dân đảo Torres Strait
Both Aboriginal and Torres Strait Islander

NHÓM NGHỀ NGHIỆP (OCCUPATION GROUP)

Xin chọn một nhóm diễn tả rõ nhất nghề nghiệp của quý vị

Chỉ đánh dấu vào một ô. Nếu quý vị đã về hưu hoặc ngưng làm việc trong 12 tháng vừa qua, hãy chọn nhóm công việc nào mà quý vị đã từng làm việc. Xem trang 16 để biết thêm thông tin và các ví dụ.

- Nhóm 8
Group 8 Chưa từng làm việc có lương trong 12 tháng qua
Have not been in paid work in the last 12 months
- Nhóm 4
Group 4 Những người điều khiển máy móc, nhân viên ngành tiếp đãi, người phụ tá, người lao động và những công nhân liên hệ
Machine operators, hospitality staff, assistants, labourers and related workers
- Nhóm 3
Group 3 thợ ngành nghề, thư ký và nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên bán hàng và phục vụ
Tradesmen/women, clerks and skilled office, sales and service staff
- Nhóm 2
Group 2 Các quản lý kinh doanh khác, những người trong ngành nghệ thuật/truyền thông/thể thao và các chuyên viên trợ lý
Other business managers, arts/media/sportspersons and associate professionals
- Nhóm 1
Group 1 Quản lý cao cấp trong doanh nghiệp lớn, quản trị cơ quan chính phủ và quốc phòng, và các chuyên gia có bằng cấp
Senior management in large business organisation, government administration and defence, and qualified professionals

Nghề nghiệp
Occupation

HỌC VẤN Ở TRƯỜNG (SCHOOL EDUCATION)

Trình độ cao nhất mà quý vị đã hoàn tất ở trường là lớp nào?

Đối với những người chưa từng đi học, hãy đánh dấu 'Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn' (chỉ đánh dấu vào một ô).

- Lớp 12 hoặc tương đương
Year 12 or equivalent
- Lớp 11 hoặc tương đương
Year 11 or equivalent
- Lớp 10 hoặc tương đương
Year 10 or equivalent
- Lớp 9 hoặc tương đương hoặc thấp hơn
Year 9 or equivalent or below

BẰNG CẤP HỌC TẬP (EDUCATIONAL QUALIFICATIONS)

Bằng cấp cao nhất mà quý vị đã đạt được?

- Không có bằng cấp cao đẳng/đại học
No non-school qualification
- Chứng chỉ I to IV (kể cả chứng chỉ ngành nghề)
Certificate I to IV (including trade certificate)
- Cao đẳng/cao đẳng cấp cao
Advanced diploma/diploma
- Bằng cử nhân hoặc cao hơn
Bachelor degree or above

CÁC CHI TIẾT LIÊN LẠC (CONTACT DETAILS)

Nếu có giờ giấc hoặc điều kiện đặc biệt nào liên quan tới các số liên lạc nào, xin nêu ra trong ô ghi chú kế bên số điện thoại đó (ví dụ: chỉ gọi ngày Thứ Hai và Thứ Ba mà thôi).

Ghi chú (Comments)

Số điện thoại (di động)
Phone number (mobile)

Số điện thoại (nhà)
Phone number (home)

Số điện thoại (sở làm)
Phone number (work)

Địa chỉ email ưa dùng để liên lạc thư tín (Preferred email address for correspondence)

Chi tiết gia đình (Family details)

D. Cha mẹ/người chăm sóc không sống chung với học sinh này (tiếp tục)

D. Parents/carers not living with this student (continued)

Địa chỉ thường trú (ví dụ 1 High Street, Sydney, NSW, 2000) (Residential address)

Học sinh này đôi khi có ở địa chỉ này không?
Does the student sometimes reside at this address?

Có
Yes

Không
No

Địa chỉ thư tín (Correspondence address)

Nếu quý vị có địa chỉ thư tín khác với địa chỉ thường trú, xin viết ra dưới đây (ví dụ PO Box 51, Sydney, NSW, 2001).

Những người liên lạc phụ trội khi khẩn cấp (Additional emergency contacts)

E. Những người liên lạc phụ trội khi khẩn cấp

E. Additional emergency contacts

Xin để cử hai người trên 18 tuổi mà trường có thể liên lạc trong trường hợp khẩn cấp nếu như nhà trường không thể liên lạc với cha mẹ/người chăm sóc đã nêu trong phần C. Lý tưởng nhất là mỗi người liên lạc đều cư ngụ gần trường. Xin quý vị nhớ thảo luận với những người này để xem họ có sẵn lòng cho trường liên lạc khi khẩn cấp không.

CHI TIẾT LIÊN LẠC (ưu tiên 1) (CONTACT DETAILS (first preference))

Họ
Family name

Tên
Given name

Liên hệ đối với học sinh (ví dụ hàng xóm, cô dì/chú bác)
Relationship to student (eg neighbour/aunt/uncle)

Nếu có giờ giấc hoặc điều kiện đặc biệt nào liên quan tới các số liên lạc nào, xin nêu ra trong ô ghi chú kế bên số điện thoại đó (ví dụ: chỉ gọi ngày Thứ Hai và Thứ Ba mà thôi).

Ghi chú (Comments)

Số điện thoại (di động)
Phone number (mobile)

Số điện thoại (nhà)
Phone number (home)

Số điện thoại (sở làm)
Phone number (work)

CHI TIẾT LIÊN LẠC (ưu tiên 2) (CONTACT DETAILS (second preference))

Họ
Family name

Tên
Given name

Liên hệ đối với học sinh (ví dụ hàng xóm, cô dì/chú bác)
Relationship to student (eg neighbour/aunt/uncle)

Nếu có giờ giấc hoặc điều kiện đặc biệt nào liên quan tới các số liên lạc nào, xin nêu ra trong ô ghi chú kế bên số điện thoại đó (ví dụ: chỉ gọi ngày Thứ Hai và Thứ Ba mà thôi).

Ghi chú (Comments)

Số điện thoại (di động)
Phone number (mobile)

Số điện thoại (nhà)
Phone number (home)

Số điện thoại (sở làm)
Phone number (work)

F. Các hoàn cảnh đặc biệt

F. Special circumstances

Có hoàn cảnh đặc biệt nào về học sinh đang nộp đơn ghi danh mà nhà trường cần phải biết trước khi ghi danh?

Are there any special circumstances about the student seeking to be enrolled that the school should know prior to enrolment?

(ví dụ học sinh sống xa sự giám sát của cha mẹ, là đối tượng của án lệnh tòa, đối tượng bị người khác bắt nạt, được tiểu bang thu xếp việc chăm sóc ở nơi khác ngoài gia đình, có thai, ở độ tuổi trưởng thành, hoặc học sinh là người tạm trú sống tại nơi tạm giữ di trú, ví dụ tạm giữ nơi cộng đồng).

Yes/No checkboxes

Nếu có, xin nêu sơ lược hoàn cảnh. Điền vào khoảng trống dưới đây.

Empty text box for special circumstances

Empty text box for special circumstances

G. Học sinh có các nhu cầu học tập và hỗ trợ phụ trội, kể cả khuyết tật

G. Students with additional learning and support needs, including disability

Học sinh này có cần hỗ trợ trong việc học tập vì có khuyết tật? Does the student require support for learning because of disability?

Yes/No checkboxes

Luật pháp và chính sách của NSW Department of Education công nhận rằng có thể cần đến các điều chỉnh dành cho các học sinh có nhu cầu đặc biệt, kể cả học sinh khuyết tật, để các em có thể tham gia tại trường.

Có điều gì mà quý vị thực hiện hoặc chỉnh đổi tại nhà mà có thể giúp chúng tôi ở trường để đáp ứng các nhu cầu học tập của học sinh? Is there anything that you do or modify at home that may help us at school to meet the student's educational needs?

Yes/No checkboxes

Nếu có, xin nêu rõ If yes, please specify

Empty text box for home adjustments

Empty text box for home adjustments

Xin nêu rõ các điều chỉnh nào về học tập mà có thể cần đến nhằm giúp học sinh tham gia tại trường (chỉ điền phần này nếu thích ứng) Please indicate any learning adjustments that may be required to allow the student to participate at school

- checkboxes for learning adjustments: changes to learning programs, communication, equipment, personal care, social support

checkbox for other adjustments (please specify)

Empty text box for other adjustments

Xin nêu ra nếu học sinh có các điều nào dưới đây Please indicate if the student has any of the following

- checkboxes for conditions: autism, physical disability, behaviour disorder, vision impairment, hearing impairment, learning difficulties, intellectual disability, language disorder, brain injury, mental health disorder

Trường mà học sinh đã học trước đây có chuẩn bị kế hoạch chi tiết nhằm hỗ trợ các nhu cầu học tập phụ trội của học sinh này không? Has any previous education provider prepared a documented plan to support the student's additional learning needs?

Yes/No checkboxes

Nếu có, xin vui lòng nêu chi tiết If yes, please provide details

Empty text box for previous education details

Empty text box for previous education details

Chi tiết của học sinh – thông tin thêm (Student details - additional information)

8. Ngày hết hạn của thuốc adrenaline chích tự động mà quý vị sẽ đưa cho nhà trường là ngày nào?
8. What is the expiry date of the adrenaline autoinjector that will be provided to the school?

<input type="text"/>	<input type="text"/>	/	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
			tháng	năm		

Nếu thông tin này chưa được biết vào lúc điền đơn, nhà trường sẽ cần thông tin này lúc ghi danh.

9. Con em của quý vị có bản ASCIA Action Plan for Allergic Reactions?
9. Does your child have an ASCIA Action Plan for Allergic Reactions?

<input type="checkbox"/>	Có	<input type="checkbox"/>	Không
	Yes		No

10. Nếu có, bản kế hoạch này có kèm theo đây?
10. If yes, is this plan attached?

<input type="checkbox"/>	Có	<input type="checkbox"/>	Không
	Yes		No

Điều quan trọng là hãy cung cấp bất cứ kế hoạch cấp nhậ nào cho nhà trường.

11. Xin nêu bất cứ thuốc men nào khác đã được kê toa cho chứng dị ứng này.
11. Please list any other medication prescribed for this allergy.

Vào lúc ghi danh, nhà trường sẽ cần đến chi tiết thêm về việc thuốc men có kê toa.

Quý vị phải điền đơn yêu cầu nếu muốn nhà trường đảm nhận việc giao phát thuốc men đã kê toa cho con em của mình. Nhà trường có thể cung cấp quý vị mẫu đơn yêu cầu. Xem trang mạng của Bộ để biết thêm thông tin.

CÁC TÌNH TRẠNG Y TẾ NÀO KHÁC NGOÀI CÁC DỊ ỨNG VÀ ANAPHYLAXIS (VÍ DỤ SUYỄN, SUYỄN NẶNG, TIỂU ĐƯỜNG, ĐỘNG KINH) MEDICAL CONDITIONS OTHER THAN ALLERGIES AND ANAPHYLAXIS (EG ASTHMA, SEVERE ASTHMA, DIABETES, EPILEPSY)

Xin nêu ra và cung ứng chi tiết dưới đây về bất cứ tình trạng y tế nào khác mà con em của quý vị hiện có và được chữa trị. (Nếu có hơn một tình trạng hoặc không đủ chỗ, xin kèm thêm các trang phụ trội và bao gồm các câu trả lời cho tất cả 7 câu hỏi sau đây).

Tình trạng y tế
Medical condition

1. Bác sĩ đã có chẩn đoán tình trạng này cho con em của quý vị?
1. Has a doctor diagnosed this condition?

<input type="checkbox"/>	Có	<input type="checkbox"/>	Không
	Yes		No

2. Con em của quý vị đã có nhập viện do tình trạng này?
2. Has your child been hospitalised with this condition?

<input type="checkbox"/>	Có	<input type="checkbox"/>	Không
	Yes		No

3. Nếu có, bệnh viện nào?
3. If yes, which hospital?

4. Con em của quý vị đã được bác sĩ trao cho bản kế hoạch hành động, ví dụ kế hoạch hành động đối với suyễn?
4. Does your child have a documented action plan from a doctor eg asthma action plan?

<input type="checkbox"/>	Có	<input type="checkbox"/>	Không
	Yes		No

5. Nếu có, bản này có kèm theo đây không?
5. If yes, is this plan attached?

<input type="checkbox"/>	Có	<input type="checkbox"/>	Không
	Yes		No

6. Con em của quý vị có dùng thuốc men kê toa đối với tình trạng này?
6. Is your child taking prescribed medication for this condition?

<input type="checkbox"/>	Có	<input type="checkbox"/>	Không
	Yes		No

7. Nếu có, tên của thuốc men kê toa là gì?
7. If yes, what is the prescribed medication?

Khi ghi danh, nhà trường sẽ cần chi tiết thêm về việc thuốc men kê toa.

Phụ huynh của trẻ phải điền đơn yêu cầu nếu muốn con em mình được nhà trường quản lý thuốc men kê toa. Nhà trường có thể cung cấp cho quý vị mẫu đơn này. Thông tin cũng có sẵn trên trang mạng của Bộ.

I. Quá trình của học sinh liên quan đến việc thẩm định nguy cơ
I. Student's history relevant to risk assessment

NSW Department of Education có trách nhiệm thẩm định và quản chế bất cứ nguy cơ nào có thể xảy đến cho nhân viên và học sinh. Đơn này giúp quý vị cơ hội để cung cấp cho trường các thông tin nào giúp tạo thuận lợi cho việc chuyển tiếp suông sẻ của học sinh vào ngôi trường này. Điều này có thể gồm việc soạn một kế hoạch quản chế hành vi hoặc các sách lược thích đáng khác nhằm đáp ứng nhu cầu riêng biệt của học sinh. Các hành động ứng phó đối với thông tin mà quý vị cung cấp sẽ giúp đảm bảo sự an toàn của học sinh này, cũng như cho nhân viên và các học sinh khác.

Theo như quý vị biết, có điều gì trong quá trình hoặc hoàn cảnh của học sinh này (kể cả bệnh sử chưa liệt kê trong Phần H) mà có thể ẩn chứa bất kỳ loại nguy cơ nào cho học sinh này, các học sinh khác, hoặc nhân viên tại trường này không?
To your knowledge, is there anything in the student's history or circumstances (including medical history not listed in Section H) which might pose a risk of any type to this student, other students, or staff at this school?

Có Yes Không No

Nếu có, xin nêu sơ lược về bệnh sử hoặc quá trình nào khác của học sinh này mà có thể ẩn chứa bất kỳ loại nguy cơ nào đối với học sinh này, các học sinh khác, hoặc nhân viên tại trường này.
Brief description of the student's medical or other history which might pose a risk of any type to him or her, other students, or staff at this school.

Xin nêu tên và chi tiết liên lạc của chuyên gia y tế hoặc các cơ quan liên hệ khác mà có am hiểu về các vấn đề này.
Names and contact details of health professionals or other relevant bodies that have knowledge of these issues.

Học sinh đã từng có hành vi bạo động nào không?
Does the student have any history of violent behaviour? Có Yes Không No

Nếu có, xin nêu chi tiết.
If yes, please provide details.

Học sinh có từng bị đình chỉ hoặc trục xuất khỏi trường nào trước đây không?
Has the student ever been suspended or expelled from any previous school? Có Yes Không No

Nếu có, có phải do là vì:
If yes, was this for:

Đã thực sự bạo hành người nào?
Actual violence to any person? Có Yes Không No

Có sở hữu vũ khí hoặc thứ gì dùng để gây thương tích hoặc tổn hại?
Possession of a weapon or any item used to cause harm or injury? Có Yes Không No

Đe dọa hành hung hoặc dọa nạt nhân viên, học sinh hoặc những người khác tại trường đó?
Threats of violence or intimidation of staff, students, or others at this school? Có Yes Không No

Ma túy bất hợp pháp?
Illegal drugs? Có Yes Không No

Quý vị có biết về những vụ nào khác tương tự như trên mà học sinh này có dính líu bên ngoài phạm vi của trường đó?
Are you aware of any other incidents of the kind listed above in which the student has been involved outside of the school setting?

Có Yes Không No

Nếu có, nêu chi tiết sơ lược của các vụ đó.
If yes, please provide a brief outline of these incidents.

Thông tin cá nhân mà thu thập từ đơn này được dùng cho các mục đích có liên quan trực tiếp đến việc học của con em quý vị, kể cả việc xét đơn này. Bất cứ thông tin nào cung cấp cho NSW Department of Education sẽ được sử dụng, tiết lộ và cất giữ theo đúng với luật lệ về quyền riêng tư của NSW. Một số thông tin nào đó được NSW Department of Education cần để để đáp ứng nhiệm vụ chăm sóc và các nghĩa vụ pháp lý khác chiểu theo luật lệ về giáo dục, y tế cộng đồng và bảo vệ trẻ em và đáp ứng các yêu cầu về thu thập dữ liệu và báo cáo theo dưới các thỏa thuận tài trợ Liên bang – Tiểu bang mà có thể bao gồm việc đánh giá và thẩm định kết quả của học sinh. Thông tin có thể được tiết lộ cho các cơ quan chính phủ Tiểu bang NSW và Liên bang và các cơ quan khác cho các mục đích nói trên và theo như luật pháp đã cho phép hoặc đòi hỏi.

Thông tin sẽ được lưu trữ trong bộ dữ liệu điện tử an toàn. Quý vị có thể tiếp cận hoặc chỉnh sửa thông tin bằng cách liên lạc đến trường của con em quý vị. Nếu có quan ngại hoặc than phiền gì về thông tin đã thu thập hoặc về cách thức thông tin đã được sử dụng hoặc tiết lộ, quý vị nên liên lạc đến nhà trường.

Nếu quý vị quyết định không cung cấp một số thông tin đã được yêu cầu, việc này có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc ghi danh của con em quý vị, việc cung ứng tài nguyên của trường hoặc đáp ứng nhu cầu học tập của con em quý vị.

Muốn biết thêm thông tin về việc thu thập thông tin trong lúc con quý vị ghi danh tại một trường Công lập NSW, và về cách thức chúng tôi bảo vệ quyền riêng tư của quý vị, hãy vào trang mạng của NSW Department of Education hoặc liên lạc đến trường.

Xuất bản thông tin của học sinh

Trường/NSW Department of Education có thể xuất bản thông tin về con em của quý vị nhằm mục đích chia sẻ trải nghiệm của em với các học sinh khác, thông tin cho nhà trường và cộng đồng về các sinh hoạt của học sinh và trường, và lưu hồ sơ về sự tham gia của học sinh trong các dịch vụ cộng đồng hoặc để ấn đáng lưu ý.

Thông tin này có thể gồm tên, tuổi, lớp của con em quý vị và thông tin thu thập tại trường chẳng hạn như hình chụp, thẩu âm và thẩu hình con em của quý vị, công trình và sự bày tỏ quan điểm của con em quý vị chẳng hạn như trong truyền thông tương tác qua máy tính.

Các phương tiện liên lạc mà theo đó thông tin của con em quý vị có thể được xuất bản gồm có, nhưng không chỉ, các phương tiện sau đây

- Các trang mạng công cộng của NSW Department of Education kể cả trang mạng của trường là NSW Department of Education Intranet (chỉ dành cho nhân viên), blogs và wikis.
- Các ấn bản của NSW Department of Education bao gồm bản tin thư (newsletter), báo cáo và tạp chí hàng năm của trường, các tài liệu quảng bá được phát hành qua các ấn bản hoặc phương tiện điện tử kể cả các trang mạng của NSW Department of Education.
- Các tài khoản truyền thông xã hội chính thức của NSW Department of Education và của trường qua các mạng lưới như YouTube của nhà trường, các trang Facebook và Twitter.

Phụ huynh nên biết rằng khi thông tin được xuất bản trên các trang mạng công cộng và kênh truyền thông xã hội, thì để tam nhân có thể liên kết tới các thông tin này, và các thông tin này có thể được tìm thấy trên trang mạng trong nhiều năm, hoặc là vĩnh viễn. Một số chức năng tìm kiếm cũng có thể dự trữ hoặc lưu lại bản sao các thông tin đã phát hành.

Cho phép xuất bản

Tôi đã đọc thông tin về việc xuất bản thông tin của học sinh (như trên).

Permission to publish given or denied

Tôi cho phép
I give permission

Tôi không cho phép
I do not give permission

trường/NSW Department of Education xuất bản thông tin về con tôi trên các phương tiện liên lạc được truy cập một cách công khai. Việc cho phép này có hiệu lực cho đến khi tôi báo cho nhà trường biết nếu đổi ý.

Các dịch vụ trên mạng

NSW Department of Education cung ứng cho học sinh việc truy cập Internet có thanh lọc. Học sinh cũng được tiếp cận cổng thông tin an toàn dùng cho việc học tập. Sau khi đăng nhập vào cổng thông tin của mình, học sinh có thể truy nhập tài khoản email cá nhân và các ứng dụng trực tuyến. Các tài nguyên này giúp học sinh cộng tác với bạn bè, xuất bản trên mạng, và lưu trữ dữ liệu một cách an toàn để truy cập trong trường hoặc ngoài trường.

Khi truy cập một số dịch vụ trên mạng thì dữ liệu, kể cả tên của học sinh và hồ sơ mà các em đã lưu trữ trên máy điện toán, sẽ được cất chứa với cơ quan cung cấp ứng dụng trực tuyến tại một địa điểm bên ngoài mạng lưới của NSW Department of Education. NSW Department of Education đã hợp tác chặt chẽ với các cơ quan cung cấp ứng dụng trực tuyến, nhằm để thẩm định tác động về quyền riêng tư và việc kiểm soát an toàn dữ liệu. Phụ huynh muốn biết thông tin về quyền riêng tư của học sinh thì có thể xem trang mạng <https://education.nsw.gov.au/going-to-a-public-school/privacy-information> hoặc hỏi nhà trường.

Permission to access online services given or denied

Tôi cho phép
I give permission

Tôi không cho phép
I do not give permission

con tôi được truy cập các dịch vụ trên mạng do NSW Department of Education cung cấp. Việc cho phép này có hiệu lực cho đến khi tôi báo cho nhà trường biết nếu đổi ý.

Chấp thuận

Tôi đã cung cấp thông tin về các nhu cầu học tập và hỗ trợ, kể cả tình trạng sức khỏe và/hoặc nhu cầu đặc biệt và/hoặc quá trình liên hệ tới việc thẩm định nguy cơ, có liên quan đến học sinh đã nêu trong Phần A của đơn ghi danh này.

Tôi chấp thuận cho trường/NSW Department of Education tìm hỏi thông tin từ các trường trước đây, các ban bộ Chính quyền NSW, bệnh viện công, các chuyên gia y tế và các cơ quan nào khác mà cũng có thể có thông tin liên quan đến việc thẩm định này đối với học sinh có tên ở trang 1.

Tôi chấp thuận để bất cứ chuyên gia nào đang chữa trị bệnh trạng sức khỏe hoặc y tế đã nêu trong đơn này, được cung cấp cho trường/NSW Department of Education các thông tin về bất cứ bệnh trạng nào đã được nêu ra trong đơn này. Điều này có thể gồm các khía cạnh khác về sức khỏe của học sinh mà có thể tác động đến tình trạng hoặc sức khỏe và an toàn của học sinh này hoặc của các học sinh khác hoặc nhân viên tại trường.

Tuyên khai về sự chính xác, và chữ ký

Declaration of accuracy and signature

Tôi tuyên khai rằng thông tin cung cấp trong đơn này là chính xác và hoàn chỉnh, theo như sự hiểu biết và tin tưởng nhất của tôi.

Tôi đã đọc và hiểu thông tin trong đơn này về việc thu thập thông tin cá nhân, việc xuất bản thông tin của học sinh, các dịch vụ trên trang mạng và việc chấp thuận.

Khi tôi cung cấp thông tin cá nhân về những người khác ngoài tôi hoặc (các) con của tôi, tôi đã làm vậy với sự cho phép của họ.

Tôi biết rằng nếu thông tin tôi đưa ra là sai lạc hoặc giả dối, thì bất cứ quyết định nào đã thực hiện dựa trên đơn này đều có thể bị thay đổi.

Chữ ký của cha/mẹ/người chăm sóc (Signature of parent/carer)

(ít nhất một người cha/mẹ/người chăm sóc của học sinh phải ký đơn xin ghi danh này)

Tên (viết chữ in) (Print name)

Ngày tháng
(Date)

<input type="text"/>	/	<input type="text"/>	/	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
ngày		tháng		năm		

Chữ ký của cha/mẹ/người chăm sóc thứ nhì (Signature of second parent/carer)

Tên (viết chữ in) (Print name)

Ngày tháng
(Date)

<input type="text"/>	/	<input type="text"/>	/	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
ngày		tháng		năm		

Tờ thông tin (Information sheet)

XIN VUI LÒNG TÁCH BỎ TRANG SAU NÀY TRƯỚC KHI NỘP ĐƠN CHO TRƯỜNG.

Gặp khó khăn với đơn này?

Nếu quý vị gặp khó khăn trong việc hiểu đơn này hoặc muốn biết thêm chi tiết, hãy vui lòng gọi đến trường.

Nếu quý vị cần trợ giúp để giao tiếp tiếng Anh hãy gọi đến Dịch vụ Thông dịch qua Điện thoại (TIS) qua số 131 450 và yêu cầu một thông dịch viên người Việt. Nhân viên tổng đài sẽ nối quý vị với thông dịch viên để giúp quý vị trong cuộc đàm thoại. Dịch vụ này miễn phí.

Cách thức để điền đơn này

- Mọi người nộp đơn phải điền các Phần A, B, C, E, H và I
- Quý vị có thể phải điền vào phần D, F và G
- Dùng viết đen hoặc xanh để điền vào đơn này
- Khi cần phải đánh dấu một ô, hãy đánh dấu trong ô đó như thế này:
- Khi được yêu cầu điền thông tin vào các ô, xin ghi một số vào mỗi ô như thế này:

1	2	3	4																
---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--
- Xin vui lòng viết chữ rõ ràng và dễ đọc như thế này:

Write as clearly as possible in the box

- Nếu có các trang thông tin bổ sung hãy đính kèm chắc chắn vào mặt sau của đơn. Hãy nêu rõ phần nào (A-I) mà thông tin này nói đến.
- Nếu cần một đơn khác, quý vị có thể tải thêm các bản in từ:
<https://education.nsw.gov.au/going-to-a-public-school/translated-documents/enrolment-application>

Ghi chú: Tại mọi trường Công lập, có giờ học Giáo lý Đặc biệt (Special Religious Education (SRE)) và/hoặc Giáo dục Đặc biệt về Đạo đức (Special Education in Ethics (SEE)). Các trường cung ứng các giờ học SRE và/hoặc SEE sẽ gửi đến quý vị Thư đăng ký Tham gia SRE và SEE (SRE and SEE Participation Letter) để điền vào và gửi trả lại trường.

Than phiền, Khen ngợi và Đề nghị

Chúng tôi rất mong được nghe từ quý vị nếu quý vị có than phiền, khen ngợi hoặc đề nghị nào hoặc có quan ngại gì về mặt nào của dịch vụ.

Chúng tôi khuyến khích quý vị hãy liên lạc trường để thảo luận về các quan ngại của quý vị, vì hầu hết các vấn đề đều có thể được giải quyết bằng cách thảo luận với nhân viên văn phòng trường, giáo viên của con em quý vị hoặc với hiệu trưởng. Họ am hiểu về con của quý vị và có cương vị tốt nhất để giúp quý vị. Ngoài ra, điều tốt nhất là quý vị nên báo sớm cho họ biết về những quan ngại của mình.

Chúng tôi sẽ tìm cách giải quyết vấn đề của quý vị một cách thấu đáo và công bằng và chúng tôi có một tiến trình minh bạch để giải quyết các vấn đề.

Muốn biết thêm thông tin, kể cả việc truy cập Chính sách Xử lý Than phiền và các thủ tục, có tại trang mạng:
<https://education.nsw.gov.au/going-to-a-public-school/enrolment>

Danh sách kiểm tra

Khi đến trường ghi danh, xin đem theo bản gốc các chứng từ sau đây:

- Chứng cứ về địa chỉ cư trú của học sinh
(ví dụ thông báo thuế phí của hội đồng thành phố [council rate notice], giấy thuê nhà, hóa đơn tiền điện, tờ khai hữu thế v.v.)
- Khai sanh hoặc giấy chứng minh nhận dạng
- Australian Immunisation Register (AIR) Immunisation History Statement (tất cả các học sinh ghi danh lần đầu tại các trường Công lập NSW phải cung ứng bản này).

Thêm vào đó

Nếu con em của quý vị là đối tượng của một vụ việc luật gia đình, quý vị cần cung cấp:

- Bản sao án lệnh của tòa án gia đình hoặc tòa án liên hệ nào khác

Thêm vào đó

Nếu con em quý vị có nhu cầu do sức khỏe, khuyết tật hoặc cần hỗ trợ nào khác, quý vị cần cung cấp:

- Các bản kế hoạch hành động khẩn cấp hoặc kế hoạch y tế/chăm sóc sức khỏe
- Chứng từ về nhu cầu do khuyết tật hoặc nhu cầu hỗ trợ nào khác, kể cả kế hoạch học hỏi và hỗ trợ nếu có

Thêm vào đó

Những người Không phải Công dân Úc

Nếu con em của quý vị là cư dân thường trú nhưng không phải công dân Úc, quý vị sẽ cần cung cấp:

- Hộ chiếu hoặc giấy tờ lữ hành
- Thị thực (visa) hiện thời và trước đây (nếu có)

Thêm vào đó

Những người có thị thực tạm trú

Nếu con em của quý vị có thị thực tạm trú (temporary visa), quý vị cần cung cấp:

- Hộ chiếu hoặc giấy tờ lữ hành
- Thị thực hiện thời và trước kia (nếu có)
- Giấy cho phép Ghi danh (Authority to Enrol) do Cơ quan Chương trình Cư dân Tạm trú cấp. Điều này cần có đối với người có thị thực thăm viếng hoặc thị thực tạm trú (khác hơn là hạng phụ 571P được nói đến dưới đây)
- Giấy cho phép Ghi danh (Authority to Enrol) hoặc chứng cứ cho phép chuyển trường do một Trung tâm Du học sinh cấp (nếu có thị thực du học sinh lệ phí toàn phần, hạng phụ 571P)
- Chứng cứ của thị thực mà học sinh đã và đang nộp đơn xin (nếu học sinh có thị thực bắc cầu)

Cần thêm giúp đỡ? Hãy liên lạc trường hoặc viếng trang mạng www.schools.nsw.edu.au

Các nhóm nghề nghiệp của cha mẹ (Parent occupation groups)

Mục đích chính của việc thu thập thông tin này là để quảng bá và thực hiện Các Mục tiêu Giáo dục của Quốc gia qua việc thông tin cho Chính phủ Tiểu bang và Liên bang về các vấn đề có thể ảnh hưởng đến việc cung ứng tài nguyên cho vườn trẻ và trường học của con em quý vị.

Quý vị sẽ cần dùng bản này để điền phần 'Nhóm Nghề nghiệp' ở trang 4, 5 và 7.

5 nhóm được nêu ở đây được Sở Thống kê Úc (ABS) sử dụng để xếp loại các nghề nghiệp. Xin chọn nhóm (1, 2, 3, 4 hoặc 8) mà quý vị nghĩ rằng diễn tả rõ nhất nghề nghiệp của quý vị.

Nếu quý vị đã về hưu hoặc ngưng làm việc trong 12 tháng qua, hãy chọn nhóm mà quý vị đã từng làm việc.

Nhóm 8

- Chưa từng làm việc có lương trong 12 tháng qua

Nhóm 4

Những người điều khiển máy móc, nhân viên ngành tiếp đãi, người phụ tá, người lao động và những công nhân liên hệ

- Lái xe, người điều khiển máy móc di động, máy sản xuất/biến chế và các máy móc khác
- Nhân viên ngành chiêu đãi (người giám sát dịch vụ khách sạn, nhân viên lễ tân, bồi bàn, nhân viên quầy rượu, phụ bếp, nhân viên hành lý, người dọn phòng)
- Phụ tá văn phòng, phụ tá bán hàng và các phụ tá khác
- Văn phòng (đánh máy, xử lý văn bản/nhập dữ liệu/vận hành máy doanh nghiệp, lễ tân, phụ tá văn phòng)
- Bán hàng (bán hàng, bán ô tô/nhà lưu động/phụ tùng, nhân viên quầy tính tiền, thu ngân, bán vé trên xe bus/xe lửa, bán vé, nhân viên trạm dịch vụ/trạm xăng, nhân viên bàn cho thuê xe, người bán dạo, bán hàng qua điện thoại, xếp hàng hóa lên kệ)
- Các phụ tá/phụ trợ (phụ tá nghề thợ, phụ giáo/phụ trợ cho trường, phụ tá nha sỹ, y tá thú y, phụ tá y tá, nhân viên trông nom bảo tàng viện/phòng triển lãm, người dẫn chỗ, giúp việc tại nhà, phụ tá thẩm mỹ, trông nom súc vật)
- Công nhân lao động và công nhân liên hệ
- Các lực lượng quốc phòng – các cấp bậc thấp hơn sĩ quan cao cấp không chính thức không có ở dưới đây
- Công nhân nông nghiệp, làm vườn, làm nghiệp, thủy sản, khai mỏ (người trông nom nông trại, người xen lồng cừu, người phân loại lông/da sống, người làm đồng áng, huấn luyện ngựa, người làm ở vườn ươm cây, người chăm sóc cỏ, người làm vườn, cắt tỉa cây, công nhân trồng rừng/đốn gỗ, thợ mỏ, đánh bắt cá)
- Những công nhân khác (người lao động, công nhân nhà máy, công nhân nhà kho, bảo vệ, dọn dẹp, người trông nom cao ốc, công nhân giặt ủi, thu nhặt xe đẩy đựng hàng, nhân viên khu đậu xe, người giám sát nơi qua đường)

Nhóm 3

Thợ ngành nghề, thư ký và nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên bán hàng và phục vụ

- Thợ nghề thường có Chứng chỉ Nghề (Trade Certificate) học trong 4 năm, thường là qua học nghề. Tất cả các thợ nghề đều nằm trong nhóm này.
- Nhân viên văn phòng (clerks) (giữ sổ sách, nhân viên ngân hàng, nhân viên bưu điện, nhân viên thống kê/bảo hiểm, nhân viên kế toán/hoàn tiền/kiểm toán, nhân viên lương, nhân viên ghi nhận/đăng ký/lưu trữ, nhân viên cá độ, nhân viên kho/hàng lưu kho, nhân viên mua hàng/đặt hàng, nhân viên thu xếp vận tải/kiểm hàng/gửi hàng, nhân viên tính lệ phí hàng hóa, nhân viên hải quan, nhân viên dịch vụ khách hàng, nhân viên nhập hàng)
- Nhân viên văn phòng có kỹ năng, nhân viên buôn bán và dịch vụ
- Văn phòng (thư ký, phụ tá riêng, người điều hành nhu liệu ăn uống, người vận hành tổng đài)
- Bán hàng (đại diện bán hàng công ty, người đầu giá, đại lý bảo hiểm/người đánh giá/người điều chỉnh thiệt hại, người nghiên cứu thị trường)
- Dịch vụ (nhân viên dịch vụ người cao tuổi/khuyết tật/tị nạn/chăm sóc trẻ, trông trẻ, đọc đồng hồ đo, kiểm tra đầu xe, nhân viên bưu điện, phát chuyển nhanh, đại lý du lịch, hướng dẫn viên du lịch, tiếp viên hàng không, huấn luyện viên thể dục, nhà cái/giám sát ở sòng bài)

Nhóm 2

Các quản lý kinh doanh khác, những người trong ngành nghề thuật/truyền thông/thể thao và các chuyên viên trợ lý

- Chủ/người quản lý trang trại hoặc doanh nghiệp (doanh nghiệp nhập khẩu hoặc xuất khẩu, doanh nghiệp bán sỉ, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp địa ốc)
- Người quản lý chuyên ngành (tài chính/xây dựng/sản xuất/nhân sự/quan hệ kỹ nghệ/bán hàng/tiếp thị)
- Người quản lý dịch vụ tài chính (người quản lý chi nhánh ngân hàng, môi giới tài chính, môi giới đầu tư, môi giới bảo hiểm, nhân viên tín dụng, nhân viên về tiền vay)
- Người quản lý bán lẻ/dịch vụ bán lẻ (cửa tiệm, trạm xăng, nhà hàng, câu lạc bộ, khách sạn/nhà trọ, rạp chiếu phim, nhà hát, đại lý)
- Nghệ thuật/truyền thông/thể thao (nhạc công, diễn viên, vũ công, họa sĩ, thợ gốm, thợ điêu khắc, nhà báo, tác giả, phát thanh viên, nhiếp ảnh gia, nhà thiết kế, người minh họa, người đọc duyệt, vận động viên nam, vận động viên nữ, huấn luyện viên (coach/trainer), viên chức thể thao)
- Những chuyên viên trợ lý thường có bằng cao đẳng hoặc bằng cấp chuyên môn kỹ thuật và họ hỗ trợ các nhà quản lý và chuyên gia
- Kỹ thuật viên/chuyên viên trợ lý Y tế, Giáo dục, Luật, An sinh Xã hội, Công nghệ, Khoa học, Vĩ tính
- Kinh doanh/quản trị (viên chức tuyển dụng/nhân dụng/giao tế công nghiệp/đào tạo, chuyên gia tiếp thị/ quảng cáo, chuyên gia phân tích nghiên cứu thị trường, đại diện bán hàng kỹ thuật, người mua hàng để bán lẻ, quản lý văn phòng/đề án)
- Các lực lượng quốc phòng – Sĩ quan cao cấp không chính thức

Nhóm 1

Quản lý cao cấp trong doanh nghiệp lớn, quản trị cơ quan chính phủ và quốc phòng, và các chuyên gia có bằng cấp

- Giám đốc điều hành cao cấp/giám đốc/lãnh đạo ban ngành công nghiệp, thương mại, truyền thông hoặc các cơ quan lớn
- Người quản lý công sở (người đứng đầu bộ phận hoặc cao hơn) giám đốc vùng, người quản lý hành chính trong các lĩnh vực y tế/giáo dục/cảnh sát/các dịch vụ chữa cháy
- Những người quản lý hành chính khác (hiệu trưởng trường học, trưởng khoa (faculty head/dean), giám đốc thư viện, giám đốc viện bảo tàng, giám đốc phòng triển lãm, giám đốc trung tâm nghiên cứu)
- Các lực lượng quốc phòng – Sĩ quan chính thức
- Các nhà chuyên môn thường có bằng đại học hoặc các bằng cấp cao hơn và kinh nghiệm trong việc áp dụng kiến thức này để thiết kế, phát triển hoặc vận hành các hệ thống phức tạp; nhận dạng, xử lý và cố vấn về các vấn đề; và để dạy người khác
- Kỹ thuật viên/chuyên viên trợ lý Y tế, Giáo dục, Luật, An sinh Xã hội, Công nghệ, Khoa học, Vĩ tính
- Kinh doanh (Tư vấn quản lý kinh doanh, nhà phân tích kinh doanh, kế toán, kiểm toán, nhà phân tích chính sách, nhà phân tích bảo hiểm, nhà chuyên môn đánh giá)
- Vận tải hàng không/đường thủy (phi công/viên chức/cơ trưởng máy bay/tàu thuyền, sĩ quan phi hành, người dạy lái máy bay, người kiểm soát không lưu)